

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HOÁ
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2022

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trương Ngọc Phượng,
2. Ông Nguyễn Xuân Tuyền;

- Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang;

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1942;

Địa chỉ: Ngõ 32, tổ dân phố 3, phường Y, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1966;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

(Ông L và bà B có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Ngọc L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Ngọc B được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/7/2018 tại UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, ông và bà Bích chung sống tại tổ 3, phường Y La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, chung sống với nhau tới ngày 21/01/2021 xảy ra mâu thuẫn do ông L tuổi cao, ốm yếu, khó tính nên

mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể khắc phục được. Ông đã nhiều lần khuyên bảo bà B để hai người đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà B không đồng ý, đã bỏ về thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa sống, ông và bà B sống ly thân từ tháng 05 năm 2021 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về con chung và tài sản chung và nợ chung: Không có, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại biên bản lấy lời khai bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo quy định tại UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang năm 2018. Sau khi kết hôn, bà và ông L chung sống tại ngõ 32, tổ dân phố 03, phường Ý La, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, không có mâu thuẫn gì. Chỉ có ông L đôi khi có tính chấp nết, hay để ý từng câu nói. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không căng thẳng, bà và ông L không sống ly thân. Nay ông L xin ly hôn, bà không nhất trí ly hôn, bà xác định bà vẫn còn tình cảm với ông L.

- Về con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn ông Phạm Ngọc L trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B, về con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày: Bà đã nhận được Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại các phiên họp, các buổi làm việc và tiến hành xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà giữ nguyên ý kiến tại biên bản lấy lời khai và bà không nhất trí ly hôn với ông Phạm Ngọc L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn” của ông Phạm Ngọc L. Cho ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc B xác định không có, không đề nghị giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Phạm Ngọc L có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí, ông L thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Ông Phạm Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B; bà Nguyễn Thị Ngọc B có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố V, thị trấn V, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "Ly hôn" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc B đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc B có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2018 tại UBND thị trấn Vĩnh Lộc, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông L thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ ngày 21/01/2021 nguyên nhân là do ông tuổi cao, ốm yếu, khó tính, mâu thuẫn ngày càng gay gắt, không thể khắc phục được, ông đã khuyên bảo bà B về chung sống với ông nhưng bà B không đồng ý. Ông xác định ông và bà B đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021. Còn theo bà B thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì, chỉ là ông L đôi khi có tính chấp nết, hay để ý từng câu nói nhưng cuộc sống vợ chồng không căng thẳng, bà và ông L không sống ly thân. Kết quả xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà B tại tổ dân phố 3, phường Y, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể: Ông L và bà B sống hòa thuận đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L đã có tuổi, tính tình cũng khó hơn dần đến hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong lối sống. Đến tháng 6 năm 2021 thì hai vợ chồng sống ly thân và ít khi liên lạc với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các phiên họp hòa giải để hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà B. Mặc dù bà B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, có nguyện vọng đoàn tụ nhưng bà B không có mặt tại các phiên họp và có đơn đề nghị vắng mặt tại các phiên họp. Điều đó cho thấy bà không có thiện chí để Tòa án hòa giải để hóa giải mâu thuẫn của vợ chồng bà. Như vậy HĐXX thấy rằng việc xin đoàn tụ của bà B không phải xuất phát từ sự yêu thương quý trọng nhau thực sự mà chỉ muốn ràng buộc nhau. Như vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của ông L, bà B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích

hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L là xử cho ông L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Ngọc L và bà Nguyễn Thị Ngọc B xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Ông Phạm Ngọc L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Ngọc L có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí, xét thấy ông Lý thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn” của ông Phạm Ngọc L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Phạm Ngọc L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc B.

2. Về án phí: Ông Phạm Ngọc L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Bà Nguyễn Thị Ngọc B không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND thị trấn Vĩnh Lộc
(nơi ĐKKH);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ

